TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tân;

2. Bà Phạm Thị Hợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2018/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1995. Nơi đăng ký HKTT: Thôn Ph, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; trú tại: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Hải Dương (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1990; trú tại: Thôn Ph, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương (Có mặt).

3. Người làm chứng

- Ông Nguyễn Ngọc Ch và bà Nguyễn Thị Nh (Có mặt);

- Ông Lê Văn B (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân (UBND) xã L, huyện K tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/9/2016. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B không tu chí làm ăn, chơi bời, nghiện chất ma túy nên cuộc sống thường xảy ra xô xát. Chị và gia đình khuyên bảo nhưng anh B không thay đổi; tháng 5 năm 2018 chị về sống cùng bố mẹ đẻ của chị tại xã T, huyện L cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con là Nguyễn Ngọc Trường A, sinh ngày…2017, hiện anh B đang nuôi con. Chị đề nghị, giao con cho chị nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng cho con.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn – anh B trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung đúng như chị Th trình bày. Tuy nhiên, anh xác định hiện anh đã cai nghiện ổn định, anh vẫn còn tình cảm với chị Th, con còn nhỏ nên anh không nhất trí ly hôn. Nếu chị Th kiên quyết xin ly hôn thì anh xin nuôi con, anh không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Cả chị Th và anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa: Chị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh B, chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng cho con. Ngoài ra, chị không có yêu cầu, đề nghị nào khác.

Anh B không nhất trí lý hôn, nếu chị Th kiên quyết xin ly hôn thì anh xin được nuôi con, anh không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con; hiện anh không còn sử dụng chất ma túy nữa, có công việc, thu nhập ổn định hàng tháng là 10.000.000đ/tháng. Nếu Tòa án giao cho chị Th nuôi con, anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng cho con hàng tháng, với số tiền là 3000.000đ/tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Ngọc Ch, bà Nguyễn Thị Nh là bố mẹ đẻ của anh B xác định quá trình kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như anh B, chị Th trình bày; hiện anh B đã không còn sử dụng chất ma túy, ông bà mong muốn chị Th, anh B quay lại đoàn tụ, cùng nuôi dạy con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Th đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều

51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử cho chị Lê Thị Th ly hôn anh Nguyễn Ngọc B; giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng con; chấp nhận sự tự nguyện của anh B cấp dưỡng cho con hàng tháng; chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; anh B phải chịu án phí cấp dưỡng cho con định kỳ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Ngọc B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã L, huyện K nơi sinh sống của anh B tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị Th và anh B là hợp pháp.

[2] Chị Th xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn; anh B trình bày vẫn còn tình cảm với chị Th, con còn nhỏ nên anh không nhất trí ly hôn; bố mẹ đẻ anh B cũng mong muốn chị Th, anh B quay lại đoàn tụ với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B không tu chí làm ăn, chơi bời, nghiện chất ma túy; tháng 5/2018 chị Th về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay hai người không có biện pháp gì để cải thiện tình trạng hôn nhân; chị Th cũng như bố mẹ đẻ của chị đều có đề nghị được ly hôn; chính quyền địa phương xã L cũng xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B chơi bời, sử dụng chất ma túy; việc chị Th khởi kiện xin ly hôn là cón căn cứ. Điều đó chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung giữa hai người đã chấm dứt, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chị Th, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Th ly hôn anh B.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị Th và anh B có 01 con là Nguyễn Ngọc Trường A, sinh ngày…2017, hiện anh B đang nuôi con. Nay cả chị Th và anh B đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng cho con. HĐXX thấy rằng, cháu Trường A còn quá nhỏ, chưa tròn 1 tuổi; hiện chị Th ở cũng bố mẹ đẻ, làm công nhân, có thu nhập ổn định 7 triệu đồng/tháng. Như vậy, là chị Th có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX sẽ giao con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của anh B cấp dưỡng cho con hàng tháng.

[4] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Lê Thị Th khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh B cấp dưỡng cho con hàng tháng nên phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về…án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Th ly hôn anh Nguyễn Ngọc B.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho chị Lê Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Ngọc Trường A, sinh ngày…2017 cho đến khi đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của anh B cấp dưỡng cho con hàng tháng, số tiền là 3000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, chị Th có đơn yêu cầu thi hành án mà anh B thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng (trả tiền) thì anh B phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. *Về án phí*: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000553 ngày 06 tháng 6 năm 2018; anh Nguyễn Ngọc B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Lê Thị Th, anh Nguyễn Ngọc B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 24/8/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- UBND xã L, H. K;
- UBND xã T, H. L;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: V.Phòng.

Nguyễn Quốc Quân